

Tác động của chính sách hỗ trợ tài chính đến người lao động yếu thế tại Bình Dương

ĐẶNG NGỌC MINH THI *

Trường Đại học Thủ Dầu Một

Nhận bài: 25/09/2022 - Duyệt đăng: 15/12/2022

(*) Liên hệ: thidang.251985@gmail.com - ĐT: 0909116176

Tóm tắt:

Bài viết nhằm tìm kiếm bằng chứng thực nghiệm các yếu tố tác động đến các chính sách hỗ trợ tài chính cho người lao động yếu thế tại tỉnh Bình Dương. Có rất nhiều yếu tố giải thích được cho vấn đề tiếp cận các chính sách hỗ trợ tài chính cho người lao động yếu thế như: Hồ sơ, thủ tục có liên quan đến chính sách; Trình độ học vấn; Độ Tuổi; Ngành nghề làm việc; Thu nhập trung bình hàng tháng; Giới tính của người lao động. Qua phân tích từ dữ liệu khảo sát với 215 người lao động thuộc các ngành nghề khác nhau trên địa bàn thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương nhằm phân tích những khó khăn mà người lao động gặp phải khi tiếp cận các chính sách hỗ trợ. Kết quả mô hình nhị phân Binary Logistic cho thấy các yếu tố tác động đến khả năng tiếp cận các chính sách hỗ trợ tài chính cho người lao động bao gồm các yếu tố có thứ tự như sau: Hồ sơ, thủ tục tiếp cận chính sách, Giới tính, Trình độ học vấn và Tuổi. Các biến Ngành nghề, Thu nhập trung bình hàng tháng không có ý nghĩa thống kê lên biến phụ thuộc khả năng tiếp cận các chính sách hỗ trợ.

Từ khóa: Hỗ trợ tài chính, lao động yếu thế, tỉnh Bình Dương, mô hình nhị phân Binary Logistic, Thu nhập trung bình hàng tháng.

Abstract:

The article aims to find empirical evidence on factors affecting financial support policies for disadvantaged workers in Binh Duong province. There are many factors that can explain the problem of accessing financial support policies for disadvantaged workers such as: Dossiers and procedures related to policies; Academic level; Age; Occupation; Average monthly income; and Employee's gender. Through analysis from survey data with 215 employees of different professions in Thuan An city, Binh Duong province to analyze the difficulties that workers face when accessing support policies. The results of the Binary Logistic model show that the factors affecting the ability to access financial support policies for employees include the following factors in order: Profile, main access procedures books, Gender, Education level and Age. The variables Industry, Average monthly income did not have significant significance on the dependent variable access to support policies.

Keywords: Financial support, disadvantaged workers, Binary Logistic model, monthly income.

1. Đặt vấn đề

Là một tỉnh công nghiệp lớn của cả nước, Bình Dương có lực lượng công nhân lao động chiếm tỷ lệ lớn cho nên tỉnh đặc biệt quan tâm đến việc triển khai các chính sách hỗ trợ đến doanh nghiệp và người lao động, đặc biệt là những người lao động yếu thế. Việc triển khai các chính sách hỗ trợ nhanh chóng và hiệu quả đến các đối tượng cần được hỗ trợ là một trong những nhiệm vụ quan trọng của các cấp chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội trên toàn tỉnh. Để đạt được hiệu quả trên từ việc xây dựng các giả thuyết nghiên cứu, tác giả đã xây dựng được mô hình nghiên cứu của mình nhằm xác định các yếu tố tác động đến khả năng tiếp cận các chính sách hỗ trợ tài chính cho NLD yếu thế.

2. Tổng quan tài liệu

Tài chính vi mô, các chính sách hỗ trợ cho NLD là chủ đề được các nhà kinh tế trong và ngoài nước quan tâm phân tích, nghiên cứu. Sau đây là tổng hợp một số bài viết có liên quan đến chủ đề nghiên cứu.

Nguyễn Hồng Thu (2020), Tiếp cận hòa nhập tài chính: Giải pháp phát triển sinh kế bền vững cho người có hoàn cảnh khó khăn: Điều tra nghiên cứu thực nghiệm tại tỉnh Bình Dương, Việt Nam Bài báo này nhằm mục đích kiểm tra giả thuyết rằng tiếp cận hòa nhập tài chính góp phần phát triển sinh kế của những người lao động có hoàn cảnh khó khăn. Bài báo sử dụng các phương pháp định lượng trong nghiên cứu với các nguồn dữ liệu thứ cấp và sơ cấp thông qua khảo sát thực tế về tiếp cận hòa nhập tài chính ở các nhóm

yếu thế. Tổng số mẫu quan sát là 325 mẫu, phương pháp thống kê và kiểm định giả thuyết nghiên cứu bằng cách phân tích dự đoán xác suất từ kết quả mô hình hồi quy nhị phân Binary Logistic.

Trần Thị Khánh Li (2019) Tài chính toàn diện tại Việt Nam - đánh giá từ góc độ tiếp cận tài chính của cá nhân. Trong bài viết, tác giả sử dụng số liệu của Global Findex năm 2017 để phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến việc sở hữu tài khoản và sử dụng dịch vụ tài chính ở cấp độ cá nhân. Kết quả cho thấy, các yếu tố tuổi tác, giới tính, trình độ học vấn và thu nhập đều ảnh hưởng đến việc tiếp cận dịch vụ tài chính chính thức của cá nhân. Trong đó yếu tố thu nhập có tác động đến cả ba tiêu chí là sở hữu tài khoản, sử dụng dịch vụ tiết kiệm và vay vốn từ các tổ chức tài chính theo hướng những người nghèo là nhóm người bị hạn chế tiếp cận tài chính toàn diện nhất. Kết quả nghiên cứu cũng chỉ ra trình độ học vấn có mối tương quan mạnh mẽ đến rào cản tiếp cận tài chính của cá nhân.

Nguyễn Đức Lộc, Nguyễn Văn Hiệp, Nguyễn Thị Tuyết Thanh (2018), Vấn đề giảm nghèo luôn là vấn đề nổi bật và nhận được sự quan tâm trên khắp thế giới đặc biệt trong việc hướng tới phát triển kinh tế bền vững. Bài viết này sẽ đưa ra cái nhìn tổng quát về các cách tiếp cận nghèo khác nhau trên thế giới và tại Việt Nam. Bài viết nghiên cứu về vấn đề nghèo và sinh kế nghèo tại Bình Dương dưới cách tiếp cận đa chiều.

Tạ Việt Anh, Nguyễn Thị Phương Anh, Bùi Đức Linh

(2017) Các nhân tố ảnh hưởng tới khả năng tiếp cận tài chính vi mô của người dân tại khu vực nông thôn tỉnh Thái Nguyên. Sử dụng mô hình phân tích hồi quy Binary logistic (Logit), kết quả các nhân tố ảnh hưởng tới khả năng tiếp cận tài chính vi mô của người dân trên địa bàn nông thôn tỉnh Thái Nguyên là số năm đi học của chủ hộ, giới tính chủ hộ, giá trị tài sản hộ, diện tích đất của hộ, số lượng lao động hộ và tuổi của chủ hộ.

Eric Fong, Brenda SA Yeoh (2020) Lao động giúp việc gia đình nhập cư: Công việc có hoàn cảnh khó khăn, Hỗ trợ xã hội và Chiến lược tập thể ở Đông Á, Sự di chuyển của lao động giúp việc gia đình nhập cư là một khía cạnh quan trọng của dòng di cư ở châu Á.

Reyes Aterido, Thorsten Beck, Leonardo Lacovone (2013) Tiếp cận tài chính ở châu Phi cận Sahara: Có khoảng cách giới tính không? Trong trường hợp cá nhân, việc phụ nữ sử dụng các dịch vụ tài chính chính thức thấp hơn có thể được giải thích là do khoảng cách giới trong các khía cạnh khác liên quan đến việc sử dụng các dịch vụ tài chính, chẳng hạn như mức thu nhập và trình độ học vấn thấp hơn, cũng như tình trạng hộ gia đình và việc làm của họ.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Số liệu phân tích

Để thực hiện nghiên cứu, tác giả sử dụng số liệu khảo sát từ địa bàn tập trung nhiều công nhân lao động là Thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Dữ liệu này kết quả được khảo sát từ 215 người lao động làm việc tại các ngành nghề khác nhau.

Các yếu tố được lựa chọn liên quan đến việc tiếp cận các chính sách hỗ trợ tài chính cho người lao động (NLĐ) yếu thế là: Hồ sơ, thủ tục có liên quan đến chính sách hỗ trợ; Trình độ học vấn; Độ tuổi; Ngành nghề làm việc; Thu nhập trung bình hàng tháng; Giới tính

3.2. Mô hình nghiên cứu

Để phân tích các yếu tố tác động đến khả năng tiếp cận các chính sách hỗ trợ tài chính cho NLĐ yếu thế, tác giả sử dụng mô hình hồi quy Binary Logistic với dạng tổng quát như sau:

$$Y = \beta_0 + \sum_{j=1}^m \beta_j X_j + u \quad (1)$$

Trong đó:

Biến Y: là biến phụ thuộc, đo lường khả năng tiếp cận các chính sách hỗ trợ tài chính của NLĐ yếu thế. Biến Y chỉ nhận 2 giá trị: Y=1 (ghi nhận câu trả lời có khi NLĐ nhận được hỗ trợ) và Y=0 (ghi nhận câu trả lời không, NLĐ không nhận được bất kì một chính sách hỗ trợ nào)

Biến X: là biến độc lập, m là số biến độc lập được sử dụng. Trong mô hình này, tác giả tập trung vào các yếu tố tác động đến khả năng tiếp cận các chính sách hỗ trợ như sau: Hồ sơ, thủ tục liên quan đến chính sách; Trình độ học vấn; Độ tuổi; Ngành nghề làm việc; Thu nhập trung bình hàng tháng; Giới tính.

Nếu gọi P là xác suất để biến cố xảy ra (Ví dụ: NLĐ tiếp cận được chính sách hỗ trợ), thì 1-P là xác suất để biến cố không xảy ra (NLĐ không tiếp cận được chính sách hỗ trợ). Khi đó, phương trình hồi quy (1) được viết lại như sau:

Bảng 1. Tóm tắt các biến trong mô hình hồi quy Binary Logistic

STT	Tên biến	Diễn giải
1	H1: Hồ sơ, thủ tục có liên quan đến chính sách	Hồ sơ thủ tục hưởng CS hỗ trợ:(1) Có khó khăn;(2) Không có khó khăn
2	H2: Độ tuổi	Được đo lường theo giá trị của bảng khảo sát
3	H3: Trình độ học vấn	Trình độ học vấn của NLĐ: (1) cấp 1-3;(2) trung cấp;(3) Cao đẳng-Đại học;(4) Sau đại học
4	H4: Ngành nghề	Ngành nghề của NLĐ: (1) Công nhân;(2) Công chức; (3) Nghề tự do;(4) Khác
5	H5: Thu nhập trung bình hàng tháng	Thu nhập CNLĐ: (1) Dưới 7 triệu;(2) Từ 7- dưới 10 triệu;(3) Từ 10- dưới 15 triệu; (4) Từ 15 triệu trở lên
6	H6: Giới tính	Giới tính NLĐ:(1) Nam giới;(0) Nữ giới

Nguồn: Tổng hợp của tác giả

$$\ln \left[\frac{P(Y = 1)}{P(Y = 0)} \right] = \beta_0 + \beta_1 X_1 + \beta_2 X_2 + \dots + \beta_m X_m \quad (2)$$

4. Kết quả nghiên cứu

Tác giả sử dụng mô hình hồi quy nhị phân vì biến phụ thuộc (khả năng tiếp cận các chính sách hỗ trợ tài chính cho người lao động yếu thế) là biến nhị phân với hai giá trị được mã hóa là 0 và 1. Đối với mô hình hồi quy này, việc phân tích mô hình sẽ được thực hiện theo hai bước chính như sau: (1) Đưa tất cả các biến của mô hình và phân tích mô hình hồi quy nhị phân và bước thứ (2) giữ các biến phù hợp với mô hình và loại trừ các biến không phù hợp với mô hình nghiên cứu dựa vào các mẫu đã được tác giả khảo sát.

Tác giả tiến hành kiểm định tổng quát mục tiêu của kiểm định này là nhằm xem xét mối quan hệ tuyến tính giữa các biến độc lập và biến phụ thuộc. Mô hình được xem là không phù hợp khi tất cả các hệ số hồi quy đều bằng 0, mô

hình được xem là phù hợp khi có ít nhất một hệ số hồi quy khác 0.

Tác giả tiến hành các hệ số β trong mô hình có đồng thời bằng 0 hay không, nếu các hệ số đồng thời bằng 0 thì mô hình không có ý nghĩa vì tất cả các biến độc lập không phản ánh được sự biến thiên của biến phụ thuộc. Theo nghiên cứu của các tác giả Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2002), giá trị sig của kiểm định tổng quát bằng 0,000 thì có thể an toàn bác bỏ giả thuyết các hệ số β trong mô hình đồng thời bằng 0. Tác giả tiến hành đưa biến độc lập và một khung phân tích và biến phụ thuộc vào khung riêng của phần mềm SPSS, kết quả thu được như Bảng 2.

Theo kết quả trên với mức ý nghĩa thu được của kiểm định Omnibus cho thấy đều nhỏ hơn mức ý nghĩa anpha là 1% nên tác

Bảng 2: Kết quả kiểm định mô hình tổng quát

Omnibus Tests of Model Coefficients				
		Chi-square	df	Sig.
Step 1	Step	94.394	6	0.000
	Block	94.394	6	0.000
	Model	94.394	6	0.000

Bảng 3: Kết quả độ phù hợp của mô hình

Model Summary			
Step	-2 Log likelihood	Cox & Snell R Square	Nagelkerke R Square
1	192.394a	0.355	0.482
a Estimation terminated at iteration number 5 because parameter estimates changed by less than .001.			

Bảng 4: Kết quả hồi quy nhị phân

	B	S.E.	Wald	df	Sig.	Exp(B)
HOSO	1.712	0.393	18.961	1	0.000***	5.541
HOCVAN	0.871	0.266	10.729	1	0.001**	2.39
TUOI	- 0.152	0.029	26.9	1	0.000***	0.859
NGANHNGHE	- 0.371	0.166	4.987	1	0.026	0.69
THUNHAP	-0.525	0.258	4.134	1	0.042	0.591
GIOITINH	1.05	0.365	8.262	1	0.004**	2.859
Constant	3.897	1.019	14.633	1	0.000	49.234
a Variable(s) entered on step 1: HOSO, HOCVAN, TUOI, NGANHNGHE, THUNHAP, GIOITINH.						

Nguồn: Tổng hợp của tác giả

giả bác bỏ giả thuyết cho rằng tất cả các biến độc lập có khả năng đồng thời bằng 0 trong tổng thể. Hay nói cách khác, các biến độc lập có khả năng tác động đến sự biến thiên của biến phụ thuộc là khả năng tiếp cận các chính sách hỗ trợ tài chính của người lao động yếu thế.

Sau khi tác giả tiến hành kiểm định tổng quát mô hình nghiên cứu, bước tiếp theo tiến hành kiểm định độ phù hợp của mô hình nghiên cứu. Đối với mô hình hồi quy tuyến tính bội hệ số R^2 và R^2 hiệu chỉnh được dùng để kiểm định sự phù hợp của mô hình tuy

nhiên đối với mô hình hồi quy nhị phân, đo lường mức độ phù hợp dựa vào chỉ tiêu -2LL. Việc kiểm định này giúp xác định được tính phù hợp của mô hình và kiểm định các giả thuyết nghiên cứu. Theo nghiên cứu của các tác giả Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2002), giá trị -2LL càng thấp thì chứng tỏ mô hình càng phù hợp. Cho đến hiện nay, các nghiên cứu trên thế giới chưa chỉ ra mức cụ thể cho giá trị -2LL của mô hình hồi quy nhị phân nhưng đều có nhận định giá trị này càng thấp thì mô hình càng phù hợp.

Từ kết quả nghiên cứu, tác

giả nhận thấy giá trị -2LL chỉ đạt 192.393 ở mức thấp nên mô hình phù hợp tương đối nếu xét về mặt tổng thể. Tiếp theo, tác giả tiến hành phân tích về mức độ dự báo chính xác của mô hình hồi quy nhị phân.

Tiếp đến, tác giả tiến hành kiểm định Wald mục tiêu của kiểm định này nhằm xem xét từng biến độc lập tương quan có ý nghĩa với biến phụ thuộc hay không.

Kiểm định Wald về ý nghĩa của hệ số hồi quy tổng thể của các biến NGANHNGHE (Ngành nghề làm việc của người lao động), THUNHAP (Thu nhập trung bình hàng tháng của người lao động) đều có mức ý nghĩa lớn hơn 0.05 nên ta chấp nhận giả thuyết cho rằng các hệ số hồi quy tổng thể của các biến này bằng 0 hay nói cách khác các biến NGANHNGHE (Ngành nghề của người lao động), THUNHAP (Thu nhập trung bình hàng tháng của người lao động) không có tác động đến khả năng tiếp cận các chính sách hỗ trợ tài chính cho người lao động yếu thế.

Kết quả kiểm định Wald cũng cho thấy các biến HOSO (Hồ sơ, thủ tục liên quan đến chính sách hỗ trợ), HOCVAN (Trình độ học vấn của người lao động), TUOI (Tuổi của người lao động), GIOITINH (Giới tính của người lao động) có mức ý nghĩa nhỏ hơn 0.05 nên tác giả mạnh dạn bác bỏ giả thuyết rằng các hệ số hồi quy tổng thể của các biến này bằng không, điều này có ý nghĩa là các biến HOSO (Hồ sơ, thủ tục liên quan đến chính sách hỗ trợ), HOCVAN (Trình độ học vấn của NLĐ), TUOI (Độ tuổi NLĐ), GIOITINH (Giới tính NLĐ) có tác động đến khả năng tiếp cận

các chính sách trợ tài chính.

Dựa vào bảng Kết quả hồi quy, cột sig của kiểm định Wald cho thấy:

- *Hồ sơ, thủ tục nhận hỗ trợ (HOSO)*

Biến HOSO có hệ số sig là $0,000 < 0.01$. Do đó, biến hồ sơ, thủ tục liên quan đến chính sách hỗ trợ có tác động đến biến phụ thuộc Khả năng tiếp cận KNTC với độ tin cậy 99%. Nhưng dấu của biến cho kết quả khác với kỳ vọng của tác giả. Tuy nhiên, Hồ sơ, thủ tục liên quan đến chính sách hỗ trợ sách nhiều đảm bảo tính minh bạch, rõ ràng đúng quy định về đối tượng được nhận.

Khi người lao động thực hiện hồ sơ, thủ tục này thì chắc chắn rằng họ sẽ nhận được sự hỗ trợ từ chính sách. Cho nên mặc dù dấu của biến không đạt đúng kỳ vọng của tác giả nhưng về ý nghĩa của biến HOSO vẫn đảm bảo tính phù hợp về mặt thực tế. Kết quả này hoàn toàn phù hợp với nghiên cứu của tác giả Nguyễn Hồng Thu (2020) cho rằng việc tuyên truyền triển khai các chính sách rộng rãi, minh bạch về các hồ sơ, thủ tục sẽ có ảnh hưởng rất lớn đến việc người lao động tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ tài chính.

- *Trình độ học vấn (HOCVAN)*

Biến Trình độ học vấn (HOCVAN) cho giá trị sig là $0.01 < 0.05$, có ý nghĩa thống kê và có tác động đến biến phụ thuộc với độ tin cậy là 95%. Do đó biến Trình độ học vấn có tác động đến khả năng tiếp cận các chính sách hỗ trợ tài chính của NLD yếu thế.

Theo kết quả cho thấy dấu của biến này phù hợp với kỳ vọng của tác giả cho thấy khi trình độ NLD càng cao thì khả năng tiếp cận các chính sách hỗ trợ sẽ thuận lợi

hơn những NLD có trình độ thấp. Trên thực tế các thủ tục, hồ sơ để nhận các chính sách hỗ trợ để đảm bảo tính chắc chắn, đảm bảo đến đúng đối tượng thụ hưởng vì thế các hồ sơ, thủ tục tương đối rườm rà, phức tạp đòi hỏi NLD cần phải có am hiểu hoặc có trình độ cao thì họ sẽ biết cách làm hồ sơ tốt hơn, để đạt yêu cầu hỗ trợ hơn. Kết quả nghiên cứu này khá tương đồng với nghiên cứu của tác giả Nguyễn Hồng Thu (2020) nâng cao trình độ học vấn cho người lao động gắn liền với tăng khả năng tiếp cận các dịch vụ tài chính. Nghiên cứu này cũng cho kết quả tương tự với nghiên cứu của Trần Thị Khánh Li (2019) cho rằng trình độ học vấn càng thấp thì khả năng bị loại trừ tài chính của cá nhân sẽ càng cao.

- *Độ tuổi của người lao động (TUOI)*

Biến độ tuổi có sig là $0.00 < 0.01$ cho nên biến này đạt được độ tin cậy cao 99%. Kết quả trên rất phù hợp với tình hình thực tế của người lao động những NLD có độ tuổi trẻ thì họ sẽ dễ dàng hơn trong việc tiếp cận các chính sách. Có thể giải thích ảnh hưởng của biến tuổi như sau: NLD có độ tuổi trẻ thì có thuận lợi hơn về trình độ tiếp cận thông tin nhờ khả năng sử dụng điện thoại thông minh tốt hơn cho nên việc NLD trẻ tuổi nhận được thông tin, tiếp cận các chính sách hỗ trợ dễ dàng hơn những NLD có độ tuổi lớn hơn. Điều này có thể được lý giải do “tâm lý người già”, NLD lớn tuổi thì sự năng động giảm sút và kỹ năng công nghệ thông tin có nhiều hạn chế cho nên việc nắm rõ các nội dung liên quan đến chính sách hỗ trợ không bằng những NLD có độ tuổi nhỏ hơn.

Dấu của biến này phù hợp với kỳ vọng của tác giả. Kết quả này phù hợp với nghiên cứu của Trần Thị Khánh Li (2017) người lớn tuổi có xu hướng hạn chế tiếp cận dịch tài chính chính thức hơn là người trẻ tuổi. Tuy nhiên kết quả này lại không tương đồng với tác giả Nguyễn Hồng Thu (2020) cho rằng độ tuổi của người lao động không có tác động đến việc tiếp cận hòa nhập tài chính ở nhóm yếu thế.

- *Giới tính (GIOITINH)*

Biến GIOITINH cho giá trị sig là $0.04 < 0.05$. Do đó biến GIOITINH có giá trị về mặt thống kê, với độ tin cậy 95%. Giới tính có tác động đến khả năng tiếp cận các chính sách hỗ trợ. Kết quả nghiên cứu cho thấy, giới tính nam sẽ có cơ hội tiếp cận các chính sách hỗ trợ tài chính tốt hơn giới tính nữ. Kết quả nghiên cứu trên có thể giải thích rằng NLD nam có tính năng động hơn, mối quan hệ giao thiệp tốt hơn NLD nữ cho nên khả năng tiếp cận các chính sách sẽ tốt hơn. Theo nghiên cứu của Reyes Aterido, Thorsten Beck, Leonardo Lacovone (2013) Tiếp cận tài chính ở châu Phi cận Sahara: Có khoảng cách giới tính không? Trong nghiên cứu này, việc giới tính nữ được tiếp cận sử dụng các dịch vụ tài chính chính thức thấp hơn giới tính nam, có thể được giải thích là do khoảng cách về giới tính trong các khía cạnh khác liên quan đến việc sử dụng các dịch vụ tài chính, chẳng hạn như giới tính khó tiếp cận việc làm hơn, mức thu nhập và trình độ học vấn của nữ thấp hơn. Kết quả này không tương đồng với nghiên cứu của tác giả Tạ Việt Anh, Nguyễn Thị Phương

Anh, Bùi Đức Linh (2017), biến giới tính chủ hộ cho biết nếu chủ hộ là nữ xác suất vay vốn cao hơn chủ hộ là nam. Điều đó cho thấy trong xác suất về tài chính vì mô có sự khác biệt giữa chủ hộ là nam hay là nữ, đặc biệt khi chủ hộ là nữ thì nhu cầu vay vốn tăng lên.

- *Ngành nghề làm việc của NLD*

Biến NGANHNGHE cho giá trị sig 0.26 > 0.05 cho nên biến này không có ý nghĩa về mặt thống kê nói cách khác biến NGANHNGHE không có tác động đến biến phụ thuộc là KNTC. Kết quả nghiên cứu cho thấy rằng ngành nghề làm việc của NLD không quyết định đến khả năng tiếp cận các chính sách hỗ trợ hay không. Những người lao động trong cùng một môi trường làm việc sẽ có mức độ tiếp cận các chính sách hỗ trợ tài chính như nhau.

- *Thu nhập trung bình hàng tháng của NLD*

Biến THUNHAP có sig là 0.42 > 0.05. Do đó biến THUNHAP về mặt ý nghĩa thống kê không có tác động đến biến phụ thuộc KNTC. Đối tượng được lấy mẫu khảo sát phần lớn là công nhân lao động có thu nhập thấp, là đối tượng NLD yếu thế cho nên việc tiếp cận các chính sách không phụ thuộc vào thu nhập trung bình hàng tháng của NLD là phù hợp với nghiên cứu của tác giả.

Như vậy, kiểm định Wald cho biết mô hình có 4 biến HOSO (Hồ sơ, thủ tục liên quan đến chính sách hỗ trợ), HOCVAN (Trình độ học vấn), TUOI (độ tuổi của NLD), GIOITINH (Giới tính của NLD) đảm bảo ý nghĩa về mặt thống kê.

Từ hệ số B của Bảng kết quả ta có được mô hình hồi quy như sau:

$$\ln [P (\text{Tiếp cận được}) / P (\text{Không tiếp cận được})] = 3.897 + 1.712\text{HOSO} + 0.871\text{HOCVAN} - 0.152\text{TUOI} + 1.050\text{GIOITINH}$$

Hay phương trình được biểu diễn ở dạng khác:

$$\ln O = 3.897 + 1.712\text{HOSO} + 0.871\text{HOCVAN} - 0.152\text{TUOI} + 1.050\text{GIOITINH}$$

5. Kết luận và hàm ý chính sách

Nhìn chung, mô hình nhị phân Binary logistic nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận các chính sách hỗ trợ tài chính cho NLD yếu thế tại Bình Dương được đề xuất ban đầu gồm 6 yếu tố. Với số quan sát hợp lệ trong mẫu khảo sát là 215 người lao động làm việc trên địa bàn tỉnh Bình Dương, kết quả cho thấy thấy các biến độc lập bao gồm: HOSO (Hồ sơ, thủ tục), HOCVAN (Trình độ học vấn của NLD), TUOI (Độ tuổi của NLD), GIOITINH (Giới tính của NLD) có tác động đến biến phụ thuộc KNTC, sắp xếp theo mức độ ảnh hưởng từ lớn nhất đến thấp nhất gồm có: (1) Hồ sơ, thủ tục với hệ số hồi quy là 1.712, (2) Giới tính của NLD có hệ số hồi quy 1.050, (3) Trình độ học vấn của NLD với hệ số hồi quy là 0.871, (4) biến còn lại là Tuổi của NLD với hệ số hồi quy là -0.152.

Để NLD yếu thế thuận lợi hơn trong việc tiếp cận các chính sách hỗ trợ tài chính góp phần chăm lo đời sống vật chất, cải thiện cuộc sống cho NLD yếu thế. Từ các thảo luận kết quả của mô hình nghiên cứu tác giả có cơ sở đưa ra một số hàm ý chính sách nhằm giải quyết vấn đề tiếp cận chính

sách cho NLD yếu thế như sau:

Thứ nhất, hồ sơ, thủ tục có liên quan đến chính sách

Trên thực tế thì những hồ sơ, thủ tục liên quan đến việc nhận hỗ trợ từ các chính sách tương đối chặt chẽ, vì để xác minh một cách chính xác đối tượng cần được nhận hỗ trợ nên việc thực hiện các hồ sơ, thủ tục còn đòi hỏi sự xác nhận bằng văn bản của nhiều cơ quan ban hành có liên quan, điều này cũng ảnh hưởng lớn đến thời gian nhận hỗ trợ từ chính sách cũng như có tác động đến việc tiếp nhận các chính sách của NLD yếu thế.

Đối tượng nhận hỗ trợ của các chính sách này là NLD yếu thế cho nên để giúp họ có thể tiếp cận dễ dàng hơn các chính sách này cần thực hiện như sau: (1) Triển khai một cách rộng rãi bằng nhiều hình thức để những đối tượng được hưởng từ các chính sách hỗ trợ tài chính. (2) Có văn bản hướng dẫn một cách đầy đủ, chi tiết về những hồ sơ, thủ tục NLD cần làm để được hưởng chính sách. (3) Cần có bộ phận tiếp nhận hồ sơ và hướng dẫn cho NLD cách thức thực hiện hồ sơ, nộp hồ sơ và hình thức NLD nhận hỗ trợ. (4) Thông báo cho NLD biết những hồ sơ, thủ tục đã đạt yêu cầu thời gian NLD nhận được hỗ trợ.

Thứ hai, trình độ học vấn

Giáo dục, đào tạo đóng vai trò quan trọng đối với vị trí và triển vọng tương lai của việc làm cho người lao động nói chung. Đảng ta khẳng định “cùng với khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Phải coi trọng cả ba mặt: mở rộng qui mô, nâng cao chất lượng và phát huy hiệu quả”.

Giáo dục, đào tạo nhằm tạo ra lực lượng lao động có trình độ chuyên môn, kỹ thuật, có kỹ năng làm việc với năng suất cao, chuyên nghiệp, đáp ứng yêu cầu của các loại hình công việc và đòi hỏi của người sử dụng lao động, là cơ sở thúc đẩy tăng trưởng kinh tế theo hướng nhanh và bền vững.

Nghiên cứu cho thấy những người lao động có trình độ cao sẽ có lợi thế trong hơn trong việc tiếp cận các chính sách hỗ trợ. Bởi vì thực tế những lao động có trình độ cao sẽ có sự hiểu biết về pháp luật, về các hồ sơ, thủ tục nhận hỗ trợ. Do vậy, cần có chính sách hỗ trợ tạo điều kiện mở các lớp bồi dưỡng, tập huấn cho NLĐ nhằm nâng cao trình độ, đồng thời thực hiện các chính sách đào tạo nghề nhằm nâng cao tay nghề cho NLĐ.

Thứ ba, độ tuổi của người lao động

Những NLĐ ở độ tuổi trẻ hơn thì khả năng tiếp cận các chính sách hỗ trợ tốt hơn điều này rất phù hợp với thực tế. Người LĐ trẻ tuổi năng động hơn, có nhiều mối quan hệ hơn, kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin tốt hơn cho nên họ sẽ dễ dàng cập nhật các thông tin về các chính sách hỗ trợ hơn.

Điều cần thiết để có thể giúp cho khác biệt trong khả năng tiếp cận không đồng đều giữa các độ tuổi. Quan tâm hơn đến các đối tượng NLĐ lớn tuổi, có chính sách ưu tiên hơn cho những người LĐ lớn tuổi, người LĐ có thâm niên công tác tại tỉnh Bình Dương.

Thứ tư, Yếu tố giới tính trong việc hỗ trợ các chính sách hỗ trợ

Xét về phương diện giới tính LĐ nữ thường hạn chế về thể lực

hơn LĐ nam và thêm thiên chức mang thai, làm mẹ, sinh con và nuôi con. Vì vậy, LĐ nữ chỉ phù hợp với một số lĩnh vực lao động nhất định. Trong nền kinh tế thị trường đây chính là điểm yếu của LĐ nữ. So với nam giới, điều kiện sinh hoạt của nữ thường phức tạp hơn, cũng do nhiều nguyên nhân chi phối LĐ nữ thường có trình độ học vấn thấp hơn nam giới, cộng thêm bản tính rụt rè, thiếu tự tin của phụ nữ là những trở ngại lớn cho người phụ nữ trong việc tìm kiếm việc làm trên thị trường.

LĐ nữ thường thiếu thông tin về thị trường lao động như: ngành nghề, tiền lương và điều kiện tham gia, các thông tin về các chính sách hỗ trợ. Thiếu am hiểu về các kỹ năng của công việc đang làm và các kỹ năng nghề theo yêu cầu, dễ chấp nhận thu nhập thấp, việc làm không ổn định, dễ thay đổi việc làm, không quan tâm nhiều đến pháp luật lao động, các chính sách hỗ trợ của nhà nước. Khi mất việc làm LĐ nữ dễ sa sút về tâm lý và khó tìm việc được việc làm mới.

Như vậy, từ việc tìm hiểu về đặc điểm của LĐ nữ trên các phương diện giới và giới tính, điểm mạnh và điểm yếu của LĐ nữ. Có thể thấy rằng một trong những nhu cầu lớn và phổ biến của LĐ nữ được biết thông tin về việc làm, các điều kiện để tham gia thị trường lao động, được ưu tiên tiếp cận các chính sách hỗ trợ tài chính hơn.

Giải quyết tốt việc làm cho người lao động nói chung trong đó có LĐ nữ sẽ có tác động tích cực đối với sự phát triển kinh tế, cũng như đảm bảo các vấn đề xã hội gắn với phát triển kinh tế - xã hội nhằm khai thác hết tiềm

năng về nguồn lực tự nhiên và con người từ đó thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế cũng như thúc đẩy bình đẳng giới và các mặt khác trong đời sống xã hội.

Thứ năm, Đối với chính quyền địa phương

Chính quyền cần ban hành nhiều hơn nữa chính sách hỗ trợ về mọi mặt cho NLĐ yếu thế không chỉ các chính sách hỗ trợ về tài chính mà còn các chính sách hỗ trợ về học tập nâng cao trình độ, tay nghề, chính sách hỗ trợ việc làm cho NLĐ. Các chính sách hỗ trợ cần các cấp chính quyền thực hiện triển khai một cách đồng bộ, triển khai bằng nhiều thức đa dạng để đảm bảo chính sách đến được với đối tượng cần được hỗ trợ. Ngoài ra, chính quyền địa phương cũng cần đầu tư cơ sở hạ tầng để tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp mở rộng sản xuất kinh doanh từ đó đảm bảo việc làm và thu nhập cho NLĐ. Ngoài ra việc đề thực thi các chính sách hỗ trợ có hiệu quả cần có đội ngũ cán bộ được giao nhiệm vụ triển khai, thực hiện các chính sách hỗ trợ này có đủ trình độ năng lực, nhiệt tình, tâm huyết vì người lao động yếu thế. Bên cạnh đó, cần có sự phối hợp giữa chính quyền và các cơ quan ban ngành đoàn thể nhằm thực thi chính sách hỗ trợ có hiệu quả hơn.

Thứ 6, Đối với các cơ quan ban ngành đoàn thể

Các tổ chức đoàn thể nên phát huy thế mạnh của mình trong việc tuyên truyền các chính sách đến được với CNLĐ, đoàn viên, hội viên của mình. Cụ thể như:

Liên đoàn lao động tổ chức các buổi tuyên truyền, tập huấn các chủ trương, chính sách của nhà nước để NLĐ nắm rõ và thuận

lợi hơn trong quá trình tiếp cận. Ngoài ra, với vai trò của công đoàn vận động CNLĐ tham gia các khóa học nâng cao kiến thức tay nghề để từ NLĐ yếu thế trở thành NLĐ có tay nghề cao làm chủ được công việc và có thu nhập cao. Đó cũng là một hình thức hỗ trợ đối với NLĐ yếu thế. Tham gia công tác kiểm tra, giám sát về việc thực thi chính sách có đến được các đối tượng cần được hỗ trợ một cách nhanh chóng, kịp thời hay không.

Hội phụ nữ nên hướng dẫn cho các chị em LĐ là hội viên của hội phụ nữ học thêm nghề, buôn bán nhỏ nhằm ổn định việc làm nâng cao thu nhập, tổ chức các quỹ tương trợ cho các chị em phụ nữ

là công nhân lao động đang sinh hoạt trong hội; Đoàn thanh niên nên đào tạo nghề cho các bạn trẻ như cơ khí, đồ gỗ, vận tải,... Từ đó, các cá nhân tại địa phương sẽ có thêm nhiều hiểu biết, kinh nghiệm và kiến thức mới có thể tiếp cận dễ dàng hơn các chủ trương, chính sách của nhà nước.

Bên cạnh đó, các đoàn thể tại địa phương cũng cần làm cầu nối để hỗ trợ cho CNLĐ nhất là đối tượng CNLĐ yếu thế khi họ có nhu cầu●

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Aterido, R., Beck, T., & Iacovone, L. (2013). Access to finance in Sub-Saharan Africa: is there a gender gap?. *World development*, 47, 102-120.
- Fong, E., & Yeoh, B. S. (2020). Migrant

domestic workers: disadvantaged work, social support, and collective strategies in East Asia. *American Behavioral Scientist*, 64(6), 703-708.

Nguyễn Đức Lộc. (2014). *Hiện trạng và khả năng tiếp cận phúc lợi xã hội của người công nhân đang làm việc tại các khu công nghiệp tỉnh Bình Dương, Việt Nam*.

Nguyễn Hồng Thu. (2020). Tiếp cận hòa nhập tài chính: Giải pháp phát triển sinh kế bền vững cho người lao động có hoàn cảnh khó khăn: Điều tra nghiên cứu thực nghiệm tại tỉnh Bình Dương. *Tạp chí Nghiên cứu Khoa học xã hội*.

Tạ Việt Anh, Nguyễn Thị Phương Anh, Bùi Đức Linh. (2017). *Các nhân tố ảnh hưởng tới khả năng tiếp cận tài chính vi mô của người dân tại khu vực nông thôn tỉnh Thái Nguyên*.

Trần Thị Khánh Li. (2019). Tài chính toàn diện tại Việt Nam - đánh giá từ góc độ tiếp cận tài chính của cá nhân. *Tạp chí Thị trường Tài chính Tiền tệ*.

Vai trò của giáo dục...

(Tiếp theo trang 27)

4. Kết luận

Mặc dù việc tích hợp tính bền vững vào giáo dục, nghiên cứu, hoạt động và quan hệ đối tác cộng đồng là vô cùng có lợi cho các trường đại học, tuy nhiên vẫn có những thách thức khi thực hiện các mục tiêu này. Thách thức lớn nhất để đưa việc phát triển nhận thức về tính bền vững vào các trường đại học là vấn đề tài chính. Nếu nguồn tài trợ từ chính phủ là ít ỏi, thì ngân sách của trường đại học và khả năng họ sẽ đầu tư vào các hoạt động bền vững sẽ giảm xuống.

Ngoài ra, một số trường đại học không có các ủy ban và văn phòng cụ thể dành riêng cho việc theo đuổi phát triển tính bền vững và theo dõi tiến độ cụ thể, điều này gây khó khăn cho việc

nghiên cứu và thực hiện các thực hành bền vững. Nếu có một vai trò cụ thể để quản lý các sáng kiến bền vững trong nhà trường, và khi đó trách nhiệm và nhiệm vụ được xác định rõ ràng.

Về mặt giáo dục, có nghiên cứu cho thấy tính bền vững và các SDG không phải lúc nào cũng được đưa vào các môn học vì khó có thể gắn kết chúng với nội dung khóa học. Nhiều giáo sư không được đào tạo về lĩnh vực này dẫn đến rất khó cho họ có thể đưa nó vào các khóa học của mình một cách tốt nhất (Filho, 2019b)●

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bhowmik, J., Selim, S. A., & Huq, S. (2018). *The role of universities in achieving the sustainable development goals (Policy brief)*. Retrieved from <http://www.icccad.net/wp-content/uploads/2015/12/>

Policy-Brief-on-role-of-Universities-in-achieving-SDGs.pdf.

Celikdemir, D. Z., Gunay, G., Katrinli, A., & Penbek Albaz, S. (2017). Defining sustainable universities following public opinion formation process. *International Journal of Sustainability in Higher Education*, 18(3), 294-306. <https://doi.org/10.1108/IJSHE-06-2015-0105>.

Filho, W. L., et al. (2019a). The role of higher education institutions in sustainability initiatives at the local level. *Journal of Cleaner Production*, 233, 1004-1015. <https://doi.org/10.1016/j.jclepro.2019.06.059>.

Leal Filho et al., (2015a), W. Leal Filho, L. Brandli, O. Kuznetsova. (2015). *Integrative Approaches to Sustainable Development at University Level*. Springer International Publishing, Berlin.

OpenDevelopmentVietnam, <https://vietnam.opendevlopmentmekong.net/vi/topics/sustainable-development-goals/>, accessed by October 5th.